

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: Phật Pháp Cơ Bản

Bài học ngày 15.8.2022

Phần II: Phật Pháp

DUYÊN SINH

Tổng quan

Duyên sinh là một trong phần quan trọng của Phật Pháp. Đây cũng là một trong những điểm khó hiểu vì những liên hệ chằng chịt. Rất nhiều đoạn kinh nói về duyên sinh nhưng người mới đọc thoáng qua không nhận ra. Một người có niềm tin chân chánh ở Tam Bảo phải có hiểu biết tương đối về duyên sinh. Một vị Phật trong đêm thành đạo cũng thấp sáng tuệ giác quán chiếu duyên sinh.

Duyên sinh, hay duyên khởi, là giáo nghĩa về nguyên nhân, động thái, và tác động của vạn hữu. Hầu hết tôn giáo đưa ra lập thuyết Sáng Tạo Chủ để nói về một đấng quyền năng tối cao tạo ra tất cả hiện hữu. Tin vào một tạo hoá duy nhất tạo ra tất cả thuộc về bản năng, hiểu những tương quan phức tạp của đời sống đòi hỏi lý trí nhận thức.

Giáo lý duyên sinh không phải chỉ nói về nguồn gốc tập khởi mà còn nói về những dịch chuyển, tương tác trong hiện tại, và tác động tạo nên hệ quả ở tương lai. Nói cách khác trong duyên sinh không có sự an bài, định mệnh mà là một dòng hiện hữu sinh động ở bất cứ thời điểm nào. Phật Pháp không dạy rằng đời sống hiện tại là một thành phẩm của quá khứ mà mọi thứ đã được lập trình sẵn với tên gọi tiền định.

Giáo lý duyên sinh nêu rõ cái gì có thể và không có thể trong nỗ lực chuyển hoá cuộc sống. Không có một nhân tố quyết định tất cả, ngược lại, sự tồn tại của mỗi cá thể không thể bị huỷ diệt bởi mãnh lực ngoại tại nào. Người học Phật cần đặc biệt lưu ý trong giáo lý duyên khởi chứa đựng những trọng điểm mà người tu tập có thể chuyển hoá thân tâm.

Với định lý “do có cái này nên có cái kia”, sự hiểu biết về duyên sinh tạo nên cái nhìn rất khác biệt với phản ứng vui buồn chỉ y cứ trên một điểm. Thí dụ có một

chiếc xe mới không phải chỉ có hưởng thụ chuyện có xe mà còn phải chấp nhận những phiền lụy khi có một chiếc xe.

Một đặc điểm của duyên sinh là trình bày rõ giáo lý vô ngã. Câu Phật ngôn quán chiếu “cái này không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta” chỉ thật sự tỏ rõ khi hiểu theo định luật duyên khởi. Trên cả hai phương diện pháp học và pháp hành thì điểm này đều quan trọng.

Thập nhị nhân duyên hay mười hai duyên khởi là nội dung chính của duyên sinh.

*

Bài học ngày 22.8.2022

Một đặc điểm khi tìm hiểu về giáo lý duyên khởi là không nên “đóng khung” những khái niệm. Thập nhị nhân duyên có thể hiểu theo nhiều chiều kích và phạm trù khác nhau. Do điểm này nên chú ý về cách trình bày.

Một cách ngắn gọn thì duyên khởi có nghĩa là “cái này có thì cái kia có” như trường hợp trong cõi dục giới thì có năm cảnh sắc, thanh, khí, vị, xúc; có năm dục trường dưỡng thì có năm pháp cái là tham dục, sân dục, hôn thuy, trạo hối, nghi hoặc; có năm pháp cái thì tâm không an định nếu không tu tập chỉ tịnh. Đây là một thí dụ về sự liên đới nếu nhìn theo thập nhị nhân duyên vẫn có thể được nhưng là những “mảng rời rạc”.

Thập nhị nhân duyên có thể hiểu theo cách đại loại (macro) là sự hiện hữu rõ nét có thể nhận diện ngay trong cuộc sống hằng ngày thí dụ thấy ai có món gì rất đẹp nên sanh tâm thích thú rồi cố gắng tìm cách để có được được. Quá trình đó có thể nhận diện từ xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ và thủ duyên hữu. Thập nhị nhân duyên cũng có thể hiểu theo cách vĩ mô (micro), một cách tinh xác nhất nếu y cứ theo Thắng Pháp Abhidhamma. Ở đây thập nhị nhân duyên có thể nói về sự tương tác giữa các sát na trong một diễn trình tâm thức.

Điều này tương tự như chúng ta nói trái chuối là loại trái cây có nhiều dinh dưỡng như cách nói chung chung (macro) nhưng chỉ có sự phân định chuẩn xác thì mới hiểu tại sao chuối có nhiều potassium rất cần cho sức khỏe mà rất hại cho người bị bệnh đường huyết.

Thập nhị nhân duyên cũng có thể hiểu theo “tam sinh”: đời trước, đời này, và đời sau trong tiến trình sanh tử. Theo cách này thì vô minh, hành thuộc kiếp trước. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu thuộc đời này. Sanh, lão tử thuộc đời sau. Đây là cách trình bày rộng rãi nhất về tiến trình luân hồi cho chúng ta có cái nhìn đại quan về sự hiện hữu của chúng sanh.

Với những điểm trên thì cách trình bày nào cũng có vẻ như phiến diện. Giống như mô tả về một toà lâu đài theo du khách, theo người cư trú, theo kiến trúc sư đều đúng nhưng không giống nhau. Phải rất cởi mở và hiểu đang nói ở phạm trù nào mới không có sự phản bác đối với những dị biệt.

Những trình bày về mười hai nhân duyên trong bài này cố gắng bắt đầu từ định nghĩa của mỗi duyên sanh, sự liên đới giữa mấu chốt này sang mấu chốt khác và nói theo cách gần gũi dễ hiểu nhất. Nếu cần đi xa hơn, như giảng theo Thắng Pháp, thì xem như là phần phụ chú. Nên nhớ đây là đề tài rất tế nhị và khó trình bày trong Phật học.

*

Bài học ngày 5.9.2022

Vô Minh Duyên Hành (avijjā paccayā saṅkhārā)

Vô minh – avijjā – được định nghĩa là không rõ biết. Sự không rõ biết được đề cập với nhiều phương diện mà hai điểm chính là không phân biệt được khổ đau, hạnh phúc; và không rõ nơi xuất phát và điểm đến. Sự không rõ biết là bản chất mà từ đó tạo nên những hiện tượng tưởng là không liên hệ. Phải thấy được vô minh không đơn giản chỉ là sự không sáng suốt mà còn là một động lực mãnh liệt chi phối tất cả sở hành.

Khi nói vô minh là không phân biệt được khổ đau và hạnh phúc thì theo ngôn ngữ Phật học là sự không nhận rõ cái gì là sự khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến diệt khổ. Thí dụ như một người mới khởi nghiệp với quan niệm rằng mình khổ vì không có tiền và giải pháp là vay tiền mượn nợ để trang trải những chi tiêu. Cái nhìn đó không giúp giải quyết được vấn đề mà tạo nên nhiều hệ lụy khác. Không biết rõ vấn đề là gì thì không thể đưa ra giải pháp.

Khi nói vô minh là không rõ nơi xuất phát và điểm đến có nghĩa là không biết rõ quá khứ, tương lai và tương quan quá khứ với tương lai (Pubbanta, aparanta, pubbantāparanta). Do sự tự nhiên không biết từ đâu đến và sẽ đi về đâu cũng như sự liên hệ chằng chịt giữa điểm này và mấu chốt kia nên gây ra vô số quyết định sai lầm. Có thể thí dụ như một người làm một hành trì mà điểm xuất phát và điểm đến đều không biết thì đúng là “lênh đênh giữa trùng khơi”

Nói đến vô minh thì bản chất là không thật sự thấy biết mà hiện tượng là thái độ sâu, bi, khổ, ưu, ai. Thí dụ như chúng ta rất khổ khi một người thân vĩnh viễn ra đi. Nếu thật sự hiểu về sự vô thường thì sẽ không có bi lụy như vậy. Sự mong mỏi hay bám víu khác với thực tướng các pháp khiến chúng ta khổ.

Sự không rõ biết của vô minh không đơn thuần là “không biết thì nằm đắp chiếu” mà là một động lực mãnh liệt đằng sau tất cả sở hành. Có thể thí dụ như một người năng động khi không có một nhận thức cái gì nên làm do vậy lằng xằng làm cái này cái kia. Thoạt nhìn có vẻ như tích cực cho cuộc sống kỳ thật chỉ là biểu hiện của sự không biết rõ cái gì nên làm.

Hành – sankhārā – được định nghĩa là sự tạo tác trong mọi hình thái. Những tạo tác sai lầm, muôn vui mà chuốc khổ, gọi là phi phúc hành (apuññābhisankhāra). Những tạo tác tương đối chính xác hơn, muôn vui mà biết đúng cách tạo niềm vui, gọi là phúc hành (puññābhisankhāra). Những tạo tác vượt lên trên những hạn cuộc vui khổ thông thường (...) gọi là bất động hành (āneñjābhisankhāra). Dù ở phạm trù nào trong ba điều vừa kể đều bị chi phối bởi vô minh. Cũng có thể hiểu theo cách thông thường hành chỉ cho tất cả tạo tác của thân, ngữ, ý trong đời sống hằng ngày.

Vô Minh Duyên Hành (avijjā paccayā sankhārā) được hiểu theo nhiều phạm trù nhưng một cái đại lược nghĩa là chính do sự mù mờ là động lực khiến tạo nên tất cả sở hành trong cuộc sống. Động thái này có thể hiểu như câu “điếc hay ngóng, ngọng hay nói”. Sự thiếu hiểu biết về những bí ẩn của cuộc sống khiến chúng sanh hành động và từ đó tạo nên vô số hệ quả. Có thể nêu là một số trường hợp: niềm tin là thiên đàng là nơi hạnh phúc nhất, niềm tin là giết những chúng sanh mang lại hạnh phúc; niềm tin là tự tử là chấm dứt tất cả khổ đau; niềm tin là sanh về cảnh giới nào đó sẽ vui hưởng vĩnh hằng; niềm tin là tế tự dẫn đến cảnh giới an lạc; niềm tin là sự giải thoát đích thực đến từ khổ hạnh ép xác; niềm tin là chết là hết; niềm tin là bây

giờ mình thế nào kiếp sau cũng linh hồn như vậy... tất cả niềm tin này tạo nên nếp sống và sở hành. Đó là tại sao chính vô minh duyên cho hành.

*

Bài học ngày 5.9.2022

Hành Duyên Thức (saṅkhārapaccayā viññāṇam)

Đây là một trong những mấu chốt có nhiều cách giải thích khác biệt trong duyên sinh. Mặc dù trên căn bản có sự đồng thuận là trọn đề tài duyên khởi phải được hiểu theo nhiều phạm trù: tam sinh hoặc ngay trong hiện kiếp; quy mô hoặc vĩ mô; Kinh tạng hay Thắng Pháp Tạng tuy nhiên có những tranh luận và giải thích khác biệt giữa các học giả nổi tiếng. Đơn cử là Ngài Buddhaghosa trong Thanh Tịnh Đạo thì nghiêng về cái giải thích theo “ba đời” trong lúc ngài Buddhadasa thì nhấn mạnh cách hiểu duyên khởi trong kiếp hiện tại. Ngài Payutto thì dung hợp. Sự trình bày ở đây không mang tánh biên khảo mà là cố gắng để trình bày theo cách dễ hiểu.

Trước hết “hành (saṅkhāra)” phải được hiểu theo cả hai phương diện hiện tượng và bản chất. Trên phương diện hiện tượng là hành vi tạo tác của thân, ngữ, ý. Trên phương diện bản chất thì hành là chủ tâm tạo tác (cetanā). Có thể nói hành ở đây đồng nghĩa với nghiệp (kamma). Tuy nhiên nếu xem hành hoàn toàn đồng nghĩa với nghiệp thì chỉ hiểu “hành duyên thức” theo một phương diện. Đây là điều phải hết sức cẩn thận.

Trong cách hiểu “hành duyên thức” nghĩa là hành động tạo tâm quả dị thực (vipāka) nghĩa là chính những tạo tác kết thành thức tái sanh (paṭisandhi viññāṇa). Đây là mối nối giữa hai đời. Nói chi tiết hơn theo Thắng Pháp Abhidhamma thì 12 tâm bất thiện và 17 tâm thiện tạo nên 19 tâm quả làm việc tục sinh. Nhưng Thắng Pháp cũng giải thích là thức trong duyên khởi bao gồm cả 32 tâm quả (...). Đi xa hơn có thể nói tiền thức (bhavaṅga) đóng vai trò chi phối quan trọng trong cuộc sống. Tiền thức được xác lập bởi thức tái sanh. Thức tái sanh là kết quả của nghiệp thiện và bất thiện của những kiếp quá khứ.

Trong cách hiểu khác, “hành duyên thức” nghĩa là chủ tâm hành động tạo nên nhận thức chủ quan trong cuộc sống. Ngài Payutto đưa ra thí dụ: cũng là miếng đất trồng nhưng có sự khác biệt trong cái nhìn của trẻ em thích chơi đùa, nhà đầu tư tìm cơ hội ra vốn, nhà nông thường nghĩ tới loại đất nào thích hợp cho hoa màu, nhà xây dựng nghĩ tới việc quy hoạch xây cất. Nói theo thuật ngữ Phật học thì nếu giải thích

theo phương diện này thì hành uẩn có ảnh hưởng lớn đối với thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn. Sự liên đới này không nhất thiết là tác nhân và quả dị thực. Cũng nên nói thêm là Thắng Pháp Abhidhamma nói về sự tương quan này qua duyên hệ (paccaya) chứ không nêu rõ trong bảng liệt kê về pháp là quả, pháp là nhân, pháp không là nhân mà cũng chẳng là quả. Nên hiểu cái nhìn chủ quan có mặt trong cả tâm thiện, tâm bất thiện và tâm quả. Những giác quan như thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác không đơn thuần là sự nhận biết cảnh tốt hay cảnh xấu mà còn mang đặc tính chủ quan do nghiệp tạo (...)

Hai cách giải thích trên tạo nên hai ngã rẽ trong cách giải thích thập nhị nhân duyên. Một là giải mười hai nhân duyên theo “ba sinh” là đời trước, đời này và đời sau. Hai là toàn bộ mười hai nhân duyên được giải thích trong kiếp hiện tại, thậm chí trong khoảnh khắc ngắn ngủi. Nên nhớ là Đức Phật giảng pháp theo cả hai cách như Phật ngôn: Nay trường thôn, nếu Ta giảng cho ông về nguồn gốc của khổ và sự diệt khổ dựa vào sự kiện trong quá khứ, nói rằng: “Trong quá khứ nó như vậy”, có thể ông sẽ khởi lên hoang mang và nghi ngờ. Và nếu Ta giảng cho ông về nguồn gốc của khổ và sự diệt khổ dựa vào sự kiện trong tương lai, nói rằng: “Trong tương lai nó sẽ như vậy”, có thể ông sẽ khởi lên hoang mang và nghi ngờ. Nay trường thôn, thay vào đó, khi Ta đang ngồi đây, và ông đang ngồi ở đó, Ta sẽ giảng cho ông nghe về nguồn gốc của khổ và con đường diệt khổ. Hãy lắng nghe và chú tâm thật kỹ, Ta sẽ nói. (Tương Ứng BK IV, phần số XI: Bhagandha-Hatthaha, tr. 512-517) (bản dịch của HT Thích Minh Châu). Nói như vậy không có nghĩa là Đức Phật chỉ dạy rằng sự tồn tại của chúng sanh chỉ có một kiếp này.

*

Bài học ngày 12.9.2022

Thức Duyên Danh Sắc (Viññānapaccayā nāmarūpaṃ)

Thức duyên danh sắc là phần khó hiểu nhất trong giáo lý duyên khởi. (Cũng có thể nói phần tiếp theo là “danh sắc duyên lục nhập” cũng có phần khó hiểu gần như vậy). Danh sắc trong ý nghĩa đại lược là tâm pháp và sắc pháp. Nói cách khác là thân và tâm. Những ý nghĩa chồng lấn của từ vựng có thể làm rối trí. Để hiểu phần này cần nhìn chi tiết qua cả hai phương diện đại loại và vĩ mô. Cách giải thích theo Thắng Pháp Tạng cũng có những chi tiết rất khác biệt với Kinh Tạng. Bốn trường hợp sau

đây là bốn cách hiểu về thức duyên danh sắc nên tìm hiểu một cách kiên nhẫn và khách quan.

Ý nghĩa thứ nhất, thức duyên danh sắc có nghĩa là trạng thái tâm có tác động nhất định đối với thân tâm. Điều này có nghĩa là tâm tác động tâm mà cũng tác động thân. Thí dụ một người có tâm hận thù thì chính lòng hiềm hận chi phối nội tâm và sắc diện cũng như sức khỏe. Điều này tương tự như cách nói của người đời: “trương tự tâm sinh”. Tác động này mang tính trực tiếp và luôn xảy ra trong đời sống hằng ngày con người. Theo Thắng Pháp thì sắc trong ý nghĩa này thuộc về “sắc tâm”.

Ý nghĩa thứ hai, thức duyên danh sắc nghĩa là thức tái sanh tạo nên chủng loại và do chủng loại tạo nên các căn (danh sắc duyên lục nhập). Điều này có nghĩa là thức tái sanh có mãnh lực định hình tâm lý và sinh lý của một chủng loại chúng sanh từ đó tạo nên những giác quan. Như trường hợp thức tái sanh của loài chó tạo nên những đặc tính về tâm pháp và sắc pháp rồi từ đó cấu thành các giác quan như thị giác, thính giác ..v.v.. khác biệt với những chủng loại khác. Theo Thắng Pháp thì sắc trong ý nghĩa này thuộc về “sắc nghiệp”.

Ý nghĩa thứ ba, thức duyên danh sắc là một hiện tượng đồng sanh mà thức uẩn làm chủ vị. Điều này cần hiểu rõ theo Thắng Pháp Abhidhamma. Nói về sự hiện hữu của chúng sanh thì thức uẩn là chính và ba uẩn thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn là sự gắn kết bất khả phân – và sắc pháp hay xác thân cũng liên hệ với thức uẩn. Từ ý nghĩa này những nhà dịch thuật Trung Hoa thời xưa gọi thức uẩn là “tâm vương”; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn là “tâm sở”. Thí dụ như khi nói về một vương triều thì phải nói đến vị vua là chính nhưng không thể không nói đến triều thần. Có một liên hệ bất khả phân nhưng giữa các thành tố đồng sanh thì thức uẩn đóng vai trò chủ yếu. Có thể hiểu nôm na như thành ngữ “rau nào thì sâu nấy”. Theo Thắng Pháp sự liên hệ này không còn là “nghiệp duyên” hay “quả duyên” mà là “đồng sanh duyên”.

Ý nghĩa thứ tư, thức duyên danh sắc được hiểu một cách phổ quát là “tâm dẫn đầu các pháp”. Các pháp ở đây là các hiện tượng tâm lý và vật lý (danh và sắc). Với cách hiểu này thì thức là “niệm thiện” hay “niệm ác” ở mỗi chúng sanh từ đó tạo nên hành động tốt xấu dẫn đến vui khổ. Cách hiểu này rất giống như hai kệ ngôn đầu tiên trong kinh Pháp Cú nhưng hầu như không tìm thấy trong các bản Sớ giải truyền thống và có phần thiếu tinh xác mặc dù tương đối dễ hiểu.

Mặc dù trong duyên sinh này danh sắc có nghĩa là hai hiện tượng tâm lý và vật lý nhưng mấu chốt này không nhất thiết luôn luôn có cả hai danh và sắc. Chúng sanh trong cõi vô tướng chỉ có sắc mà không có danh. Ngược lại chúng sanh trong cõi vô sắc chỉ có danh mà không có sắc. Dù là ở những cõi đó chỉ có một trong hai nhưng vẫn được đề cập trong cả hai mấu chốt thức duyên danh sắc và danh sắc duyên lục nhập (....)

Nên lưu ý khi nói về mười hai nhân duyên không thể giảng riêng lẻ từng chi phần mà phải giảng theo cách “liền mạch”. Nói cách khác, tuy rằng có tương tự về ý nghĩa nhưng phải đơn cử rõ ràng để thấy tại sao pháp này tạo thành do pháp kia và tại sao tạo hệ quả để sanh khởi pháp kế tiếp. Nếu không như vậy thì sẽ hiểu sai giáo lý duyên khởi.

Phần tiếp theo: Danh sắc duyên lục nhập.

Biên soạn : Tỳ khưu Giác Đăng